

Số: 53/2018/QĐST - HNGĐ

Tuần Giáo, ngày 23 tháng 7 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trương Thị T**; sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Bản N 1, xã H, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: **Anh Tòng Văn H**; sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Đ.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 9, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số : 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Tòng Văn H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1: *Về con chung*: Giao cháu Tòng Thị Bảo N; sinh ngày 04/4/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, anh H chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Tòng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

2.2: *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị T và anh Tòng Văn H thống nhất không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3: *Về nợ chung*: Chị Trương Thị T và anh Tòng Văn H không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4: *Về án phí*: Chị Trương Thị T tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2010/05565 chị Trương Thị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo
- Tòa án tỉnh Điện Biên.
- UBND xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo.
- Lưu.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Thương